

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HS-ST
Ngày: 09-3-2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Sơn Thị Vành Đa;
2. Ông Lê Hoàng Diệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 6 - Cần Thơ tiến hành mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2026/TLST-HS ngày 09/02/2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2026 đối với:

1. *Bị cáo:* Trần Thị Hồng N, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2003; nơi sinh: thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ; số căn cước: 094303007105; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Trần Ngọc P, sinh năm 1970 (sống) và bà Lê Thị Mai X, sinh năm 1970 (sống); C sống như vợ chồng với Trần Thanh Đ, sinh năm 2003; con: 01 người, sinh năm 2026; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo Trần Thị Hồng N bị bắt trong trường hợp khẩn cấp vào ngày 02/6/2025 sau đó bị tạm giữ, đến ngày 05/6/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Có mặt)

2. *Bị cáo:* Trần Thanh Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2003; nơi sinh: thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ; số căn cước: 094203016123; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Sa T, sinh năm 1972 (sống) và bà Lý Thị S, sinh năm 1969 (sống); C sống như vợ chồng với Trần Thị Hồng N, sinh năm 2003; có 01 người con, sinh năm 2026; tiền sự, tiền án: không. Bị cáo Trần Thanh Đ bị bắt trong trường hợp khẩn

cấp vào ngày 02/6/2025, sau đó bị tạm giữ và chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Hồng N (sinh ngày 17/3/2003, nơi cư trú ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ) chung sống như vợ chồng với Trần Thanh Đ (sinh ngày 01/01/2003, nơi cư trú ấp Trà Quýt A, xã P, thành phố Cần Thơ).

Vào khoảng 09 giờ 20 phút ngày 01/6/2025, Công an xã T nhận được tin báo tại nhà Trần Thị Hồng N có biểu hiện nghi vấn tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an xã T tiến hành kiểm tra thì phát hiện Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy, qua test nhanh N, Đ đều dương tính với ma túy, loại Methamphetamine, đồng thời Trần Thị Hồng N tự nguyện giao nộp bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 chai nhựa nhãn hiệu MAL.TO có nắp đậy màu đỏ, trên nắp đậy có đục 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa màu xanh, 01 lỗ gắn ống thủy tinh có nối đoạn ống nhựa màu hồng, bên trong ống thủy tinh có bám ám khói màu đen, nên Công an xã đã lập biên bản, tạm giữ các vật chứng có liên quan, niêm phong và gửi giám định theo quy định.

Tại kết luận giám định số 81/KLGĐMT-KTHS ngày 06/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: Ống thủy tinh có bám ám khói màu đen được niêm phong gửi giám định có tìm thấy thành phần ma túy, loại Methamphetamine.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Trần Thị Hồng N, Trần Thanh Đ tự khai nhận:

Vào ngày 22/5/2025, Trần Thị Hồng N gọi điện rủ Trần Thanh Đ đi mua ma túy đá về sử dụng thì Đ đồng ý, sau đó N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vario, biển kiểm soát 83GE-087.59 từ nhà N đi đến nhà Đ đưa cho Đ 300.000 đồng để mua ma túy, lúc này Đ mượn điện thoại của N nhắn tin qua M cho tài khoản “Zumi Thư” hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì người này kêu Đ đi đến vòng xoay quốc lộ F thuộc thành phố S để lấy ma túy, sau khi liên lạc mua ma túy xong thì Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vario, biển kiểm soát 83GE-087.59 chở N đi đến vòng xoay quốc lộ F để lấy ma túy, đến nơi Đ thấy một người phụ nữ (chưa rõ nhân thân) bịt khẩu trang đứng đợi, Đ lấy ma túy và đưa 300.000 đồng cho người này. Sau khi lấy ma túy xong thì Đ rủ N tìm nhà nghỉ để sử dụng ma túy thì N đồng ý, Đ điều khiển xe mô tô chở N đi đến nhà nghỉ số 07 II trên đường H, khóm A, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu V, Phường S, thành phố Cần Thơ) thuê phòng số 08 để sử dụng ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy là do N đem theo, Đ là người cắt ma túy đổ vào nỏ

đốt lên hút trước, hút xong thì Đ đưa cho N hút, sau khi sử dụng ma túy xong thì Đ là người trả tiền thuê phòng.

Vào ngày 29/5/2025, Trần Thị Hồng N gọi điện rủ Trần Thanh Đ hùn tiền đi mua ma túy đá về sử dụng thì Đ đồng ý, sau đó N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vario, biển kiểm soát 83GE-087.59 từ nhà N đi đến nhà Đ đưa cho Đ 150.000 đồng, Đ hùn thêm 150.000 đồng, lúc này Đ mượn điện thoại của N nhắn tin qua M cho tài khoản “Zumi Thu” hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì người này kêu Đ đi đến vòng xoay quốc lộ F thuộc thành phố S để lấy ma túy, sau khi liên lạc mua ma túy xong thì Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vario, biển kiểm soát 83GE-087.59 chở N đi đến vòng xoay quốc lộ F để lấy ma túy, đến nơi Đ thấy một người phụ nữ (chưa rõ nhân thân) bịt khẩu trang đứng đợi, Đ lấy ma túy và đưa 300.000 đồng cho người này. Sau khi lấy ma túy xong thì Đ chở N về nhà của N tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ) để sử dụng ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy của N chuẩn bị để sẵn trong phòng ngủ của N, Đ là người cắt ma túy đổ vào nỏ đốt lên hút trước, hút xong thì Đ đưa cho N hút.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKSKV6 ngày 06/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ đã truy tố bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Cáo trạng số: 40/CT-VKSKV6 ngày 06/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, tuyên bố các bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm n, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thị Hồng N và áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thanh Đ. Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng N từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù; xử phạt Trần Thanh Đ từ 07 (bảy) năm đến 08 năm tù. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa nhãn hiệu MAL.TO có nắp đậy màu đỏ, trên nắp đậy có đục 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa màu xanh, 01 lỗ gắn ống thủy tinh có nối đoạn ống nhựa màu hồng, bên trong ống thủy tinh có bám ám khói màu đen; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim 0343454437 của bị cáo Trần Thị Hồng N; trả lại cho bị cáo Trần Thị Hồng N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vario, biển kiểm soát 83GE-087.59; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83 00017219, tên Trần Thị Hồng N, biển số đăng ký 83GE-087.59. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu

trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo,

Trong phần lời nói sau cùng các bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ trình bày ý kiến xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tổ tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nội dung:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét lời thừa nhận tội của các bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, Bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở để xác định: Vì muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân, vào ngày 22/5/2025 Trần Thị Hồng N rủ Trần Thanh Đ cùng sử dụng ma túy thì Đ đồng ý, N đã đưa 300.000 đồng và cùng Đ đi mua ma túy, đồng thời N là người cung cấp bộ dụng cụ sử dụng ma túy để cùng Đ sử dụng ma túy, còn Đ là người cung cấp địa điểm để sử dụng ma túy, Đ trực tiếp thuê và trả tiền thuê Phòng số 08 Nhà nghỉ số 07 II đường Hồ N, khóm A, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu V, Phường S, thành phố Cần Thơ) để cùng N sử dụng ma túy. Ngoài ra vào ngày 29/5/2025, N rủ Đ hùn tiền mua ma túy về sử dụng thì Đ đồng ý, N và Đ mỗi người hùn 150.000 đồng, N và Đ cùng đi mua ma túy, sau đó N cung cấp bộ dụng cụ sử dụng ma túy và địa điểm tại phòng ngủ nhà mình tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ) để cùng Đ sử dụng ma túy.

Do đó, Cáo trạng số 40/CT-VKSKV6 ngày 06/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ đã truy tố các bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần

Thanh Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ là rất nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cho nên, đối với các bị cáo cần phải xử nghiêm, để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và góp phần phòng ngừa tội phạm.

Trong vụ án này khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, nên phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Để cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo, cần xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

[3.1] Đối với bị cáo Trần Thị Hồng N: Bị cáo là người khởi xướng, cung cấp tiền, hùn tiền mua ma túy, cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy và địa điểm để cùng với bị cáo Đ sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét cho bị cáo: Bị cáo không có tiền tiết tăng nặng; về tiền tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo thật thà khai báo, bị cáo tự thú ra những hành vi phạm tội trước; khi phạm tội bị cáo đang mang thai, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo là người dân tộc Khmer, theo quy định tại điểm s, n, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với bị cáo Trần Thanh Đ: Bị cáo là đồng phạm tích cực khi được bị cáo N rủ rê sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo đồng ý, bị cáo hùn tiền mua ma túy, bị cáo là người trực tiếp đi mua ma túy và cung cấp địa điểm để cùng với bị cáo Trần Thị Hồng N sử dụng trái phép chất ma túy. Cho nên, đối với bị cáo Trần Thanh Đ cũng cần xử nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét cho bị cáo là bị cáo không có tiền tiết tăng nặng; bị cáo có tiền tiết giảm nhẹ là sau khi phạm tội bị cáo thật thà khai báo; bị cáo tự thú ra những lần phạm tội trước; bị cáo là người dân tộc Khmer, theo quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Trần Thị Hồng N:

- 01 chai nhựa nhãn hiệu MAL.TO có nắp đậy màu đỏ, trên nắp đậy có đục 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa màu xanh, 01 lỗ gắn ống thủy tinh có nối đoạn ống nhựa màu hồng, bên trong ống thủy tinh có bắm ám khói màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim 0343454437; 01 xe mô tô nhãn hiệu Vario, biển kiểm soát 83GE-087.59; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83 00017219, tên Trần Thị Hồng N, biển số đăng ký 83GE-087.59.

Xét thấy, đối với các vật chứng là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy, đối với vật chứng là công cụ phạm tội nhưng còn giá trị sử dụng thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước, đối với tài sản thu giữ không phải là công cụ phạm tội thì trả cho chủ sở hữu. Cụ thể, như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim 034345443701 của bị cáo Trần Thị Hồng N.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01chai nhựa nhãn hiệu MAL.TO có nắp đậy màu đỏ, trên nắp đậy có đục 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa màu xanh, 01 lỗ gắn ống thủy tinh có nối đoạn ống nhựa màu hồng, bên trong ống thủy tinh có bắm ám khói màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Thị Hồng N: 01 xe mô tô nhãn hiệu Vario, biển kiểm soát 83GE-087.59; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83 00017219, tên Trần Thị Hồng N, biển số đăng ký 83GE-087.59.

[5] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo Đ, N: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của người này, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ sẽ xem xét, xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s, n, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thị Hồng N.

- Căn cứ điểm điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thanh Đ.

- Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2/ Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị bắt đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/6/2025 đến ngày 05/6/2025.

3/ Xử phạt bị cáo Trần Thanh Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2025.

4/ Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim 034345443701 của bị cáo Trần Thị Hồng N.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa nhãn hiệu MAL.TO có nắp đậy màu đỏ, trên nắp đậy có đục 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa màu xanh, 01 lỗ gắn ống thủy tinh có nối đoạn ống nhựa màu hồng, bên trong ống thủy tinh có bắm ám khói màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Thị Hồng N: 01 xe mô tô nhãn hiệu Vario, biển kiểm soát 83GE-087.59; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83 00017219, tên Trần Thị Hồng N, biển số đăng ký 83GE-087.59.

5/ Về án phí: Xử buộc các bị cáo Trần Thị Hồng N và Trần Thanh Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng/bị cáo.

6/ Về quyền kháng cáo Bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- CQCSĐT CA Thành phố Cần Thơ;
- TAND Thành phố Cần Thơ (Phòng GDKT, TT, THA);
- VKSND Thành phố Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- Trại tạm giam số 02 CA thành phố Cần Thơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Hữu

- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA thành phố
Cần Thơ
- Lưu: HSVA.